TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2024/HS-ST
Ngày 18-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Luyến

Bà Cao Thị Hạ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 221/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Cao Đức C, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1987 tại Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A H, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số B T, phường V, Quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Đức T và bà Phạm Thị N (đều đã chết); bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1989; có 01 con; tiền sự: Không; tiền án:

- Bản án số 31/2014/HS-ST ngày 28/5/2014 của Toà án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng xử 36 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma tuý (chưa được xóa án tích).

- Bản án số 118/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, Hải Phòng xử 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 01/6/2023; chuyển tạm giam ngày 10/6/2023; có mặt;

2. Bùi Hữu T1, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số B H, tổ dân phố H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Hữu N1 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Lê Thị T2, sinh năm 1986 (đã ly hôn); hiện chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thu T3, sinh năm 1985; có 02 con; tiền sự: Không; tiền án:

- Bản án số 04/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Toà án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng xử 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý (chưa được xoá án tích);

- Bản án số 24/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Cát Hải, Hải Phòng xử 06 năm 06 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý (bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý vào ngày 13/6/2023, phạm tội lần này là ngày 25/5/2023 nên không tính đây là tiền án);

Nhân thân:

- Bản án số 56/2014/HS-ST ngày 27/3/2014 của Toà án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng xử 36 tháng tù giam về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức (đã được xóa án tích);

- Bản án số 27/2017/HS-ST ngày 24/01/2017 của Toà án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng xử 18 tháng tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích);

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q – Bộ C4; có mặt.

3. Bùi Tiến L1, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1989 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số I, tổ B, phường T, quận H, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Quốc T4 (đã chết) và bà Phạm Thị B; bị cáo có vợ là Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1994 (đã ly hôn); có 01 con; tiền sự: Không; tiền án:

- Bản án số 68/2009/HS-ST ngày 22/4/2009 của Toà án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng xử 06 năm tù giam về tội Cướp giật tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chưa được xóa án tích);

- Bản án số 33/2016/HS-ST ngày 28/9/2016 của Toà án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng xử 18 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích);

- Bản án số 39/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Toà án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng xử 36 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích);

- Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 23/4/2024 của Toà án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng xử 30 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. (Bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản ngày 24/7/2023, phạm tội lần này là ngày 22/5/2023 nên không tính đây là tiền án)

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam S1 – Bộ C4; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Đức C:* Ông Nguyễn Văn C1 – Luật sư công ty L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Hữu T1:* Ông Lê Bá C2 – Luật sư công ty L4 thuộc đoàn luật sư thành phố H; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 05 phút ngày 01/6/2023, tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an quận L, thành phố Hải Phòng phát hiện bắt quả tang Cao Đức C có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy tại khu vực trước cửa nhà số B D, phường D, quận L, Hải Phòng. Thu giữ của Cao Đức C 01 túi nilon màu trắng bên trong có 01 túi nilon màu trắng chứa 10 viên nén màu vàng qua giám định là chất ma tuý, loại MDMA, có tổng khối lượng 3,21 gam; 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng qua giám định là chất ma tuý, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,88 gam.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Cao Đức C, Cơ quan điều tra thu giữ tại tầng trên của gian nhà có 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng qua giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 5,04 gam; 07 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng qua giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 2,14 gam; thu tại tầng dưới được 04 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng qua giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 39,59 gam; 10 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng qua giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,99 gam.

Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 ống nhựa hình trụ tròn màu trắng sọc đỏ có 01 đầu vát nhọn; 02 ống nhựa hình trụ tròn màu trắng có 01 đầu vát nhọn; 20 vỏ túi

nilon màu trắng có kích thước khoảng 1,5x02cm; 07 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước khoảng 3,5x03cm; 01 hộp giấy có kích thước khoảng 13x11x4,5cm; 30 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước khoảng 1,5x02cm; 30 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 2,5x2,5cm; 40 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 1,5x02cm; 10 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 03x03cm; 20 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 6,5x04cm; 01 cân điện tử màu đen; 01 cân điện tử in logo Manlloro; 01 ống nhựa màu đỏ hình trụ tròn, một đầu cắt vát; 01 xe máy nhãn hiệu Honda có BKS: 15B2-88275; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI; 01 điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và số tiền 1.020.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Cao Đức C khai nhận: Do không có công ăn việc làm ổn định nên C nảy sinh ý định mua ma tuý về bán kiếm lời và sử dụng cho bản thân. Qua quan hệ xã hội C có quen biết một người nam thanh niên hơn 30 tuổi có tên thường gọi là T5, nhà ở xã A, huyện A, Hải Phòng có bán ma túy. Từ khoảng 02 tháng trước ngày bị bắt, C thường mua của T5 thuốc lắc với giá 200.000đồng/01viên bán lại cho khách với giá 250.000 đồng/01 viên, lãi 50.000 đồng/01viên; ma túy đá C mua với giá 460.000 đồng/01gam bán lại cho khách với giá 1.000.000 đồng/01 gam ma túy đá, lãi 540.000 đồng/01 gam. Khoảng 17 giờ ngày 29/5/2023, C tiếp tục gọi điện thoại cho T5 hỏi mua 50 gam ma tuý đá, T5 đồng ý báo giá là 23.000.000 đồng và hẹn giao dịch ở gần khu chung cư H thuộc đường B xã A, huyện A, Hải Phòng. C đi xe máy đến điểm hẹn gặp T5 nhận ma túy và trả tiền. Sau đó C cầm số ma tuý về nhà chia thành 05 túi nilon loại 10 gam/01 túi và 17 túi nilon ma tuý nhỏ hơn (số lượng ít hơn khoảng 8 túi bằng 01 gam ma tuý) sau đó cất giấu số ma túy đá này cùng đồ vật liên quan như cân điện tử, vỏ túi nilon, ống chia ma tuý vào các hộp giấy ở ngăn thứ ba tủ để đồ trong nhà với mục đích để bán kiếm lời. Đến khoảng 11 giờ ngày 01/6/2023, C đang ở ngoài đường thì có C3 là bạn quen biết xã hội (không rõ lai lịch, địa chỉ) gọi điện hỏi mua 10 viên "kẹo" (ma túy thuốc lắc) và 02 gam ma tuý đá, C đồng ý và báo giá 4.500.000 đồng trong đó 10 viên thuốc lắc là 2.500.000 đồng, 02 gam ma tuý đá có giá 2.000.000 đồng hẹn giao ở khu vực cây xăng D1, quận L, Hải Phòng, C3 đồng ý. Sau đó C đi về nhà ở T lấy 02 gam ma tuý đá cất giấu vào túi áo chống nắng C đang mặc rồi điều khiển xe máy BKS 15B2-88275 đi sang khu A. Trên đường đi, C gọi điện hỏi mua của T5 10 viên thuốc lắc với giá 2.000.000 đồng. Sau khi gặp T5 tại khu vực lối vào chung cư H, đường B, xã A, T5 đưa cho C 01 túi nion màu trắng bên trong có 10 viên thuốc lắc màu vàng, C trả tiền rồi cất số ma tuý này vào túi áo bên trái bên ngoài áo chống nắng đang mặc rồi gọi điện cho C3 hẹn ra cây xăng D1 đề giao dịch ma tuý. Khi C đi đến trước cửa nhà số B D thì bị cơ quan Công an kiểm tra và thu giữ số ma túy C đang cất giấu trên người.

Ngoài ra, Cao Đức C còn khai nhận trước ngày bị bắt, vào ngày 22, 25, 26/5/2023, C còn 04 lần mua ma túy của T5 để bán cho T1, K1, V, K, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào sáng ngày 25/5/2023, T1 cùng K1 đến nhà C để hỏi mua 100 gam ma túy Ketamine cho K1. C đồng ý và nhắn tin hỏi mua số ma túy trên của T5. Sau khi trao đổi, T5 thống nhất bán cho C với giá 61.000.000 đồng/100 gam ma túy Ketamine, C thống nhất bán lại cho T1 với giá 62.000.000 đồng, còn T1 giao dịch với K1 lời lãi cụ thể thế nào thì C không biết.

Để thực hiện việc mua bán số ma túy trên, khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/5/2023, K1 chuyển khoản trước cho C 20.000.000 đồng, C chuyển khoản số tiền này vào tài khoản ngân hàng mang tên Lê Thị Hải L2 (là tài khoản Tôm cung cấp). Sau khi T5 nhận tiền, C đến khu vực trước cổng chợ A trên đường T, quận L, Hải Phòng gặp T5 lấy 100 gam Ketamine rồi mang tới khu vực quán nước mía trước tượng đài liệt sĩ thành phố trên đường L giao cho T1. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, do T5 đòi thanh toán nốt tiền còn thiếu nhưng T1, K1 chưa trả đủ, C đã mượn Bùi Tiến L1 10.000.000 đồng, lấy 10.000.000 đồng của một người khách cầm đồ tên D được 20.000.000 đồng để tiếp tục chuyển khoản trả cho T5. Sau đó, C nhắn tin giục T1 trả nốt tiền nhưng T1 báo lại là K1 đã bán được 60 gam, còn lại 40 gam thì khách của K1 chê vụn, nhạt nên muốn trả lại. Sau đó, C thông báo nội dung trên với Tôm nhưng T5 không đồng ý cho trả lại 40 gam mà yêu cầu phải trả lại cả 100 gam nên C tiếp tục yêu cầu T1, K1 trả nốt tiền. Khoảng 20 giờ ngày 26/5/2023, K1 chuyển khoản thêm 9.000.000 đồng và C chuyển tiếp luôn cho T5. sau đó đến ngày 30/5/2023, C gặp T1 lấy lại 40 gam Ketamine tại khu vực cầu vượt Đ và đem trả lại cho T5 tại chân cầu A, Hải Phòng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 21 giờ ngày 26/5/2023, T1 báo có người em xã hội của T1 tên là K (C không biết lai lịch cụ thể) hỏi mua 50 gam Ketamine. C gọi điện cho T5 để hỏi mua số ma túy trên nhưng T5 trả lời còn 28 gam và giá vẫn là 610.000 đồng/01 gam, nếu C mua 28 gam thì T5 lấy 17.000.000 đồng. C báo lại cho T1 số lượng ma túy và giá là 620.000 đồng/01 gam, T1 đồng ý. Đêm ngày 26/5/2023, T1 chuyển khoản cho C 20.000.000 đồng (bao gồm tiền mua ma túy và tiền T1 trả nợ C). Sau đó C đến gặp T5 nhận ma túy rồi mang đến đưa cho T1 tại khu vực xóm H, phường H, quận L, Hải Phòng rồi chuyển khoản trả cho T5 17.000.000 đồng. Sau đó, T1 báo K chê Ketamine vụn đòi trả lại 22 gam, C đồng ý và bảo T1 cứ lấy lại Ketamine cho C. Khoảng 16 giờ chiều ngày hôm sau, T1 gặp và trả C 22 gam Ketamine và nhận lại 12.000.000 đồng tiền mặt tại khu vực cầu vượt Đ, quận H, Hải Phòng, số tiền còn lại C chưa trả hết cho T1. Đến chiều tối cùng ngày, C mang Ketamine đến trả Tôm tại khu vực đường H, phường S, quận H, Hải Phòng.

Lần thứ ba: Vào sáng ngày 25/5/2023, Bùi Tiến L1 giới thiệu đối tượng V (không rõ nhân thân, lai lịch) là khách hàng cầm xe máy của C và L1 đến gặp C hỏi mua 50 viên thuốc lắc. C nhắn tin hỏi mua của T5 thì được Tôm báo giá 160.000 đồng/01 viên. C báo lại cho V là 180.000 đồng/01 viên. Chiều ngày 25/5/2023, C chở V đi từ nhà C đến khu vực đài tưởng niệm liệt sĩ quận H trên đường H, quận H,

Hải Phòng rồi bảo V đứng chờ C. Sau đó, C liên lạc gặp T5 nhận 50 viên thuốc lắc màu xanh hình đa giác tại khu vực gần đó rồi đưa cho V. V trả trước cho C 4.000.000 đồng và hẹn sẽ trả nốt số tiền còn lại sau. Sau đó V đến nhà C trả lại số thuốc lắc trên do chất lượng kém không bán được, C nhận lại thuốc lắc và trả lại tiền cho V. Đến khoảng 21 giờ ngày 28/5/2023, C đi qua nhà số F T theo T5 hẹn và để lại số thuốc lắc cạnh cửa nhà trên cho T5 đến lấy.

Lần thứ tư: Vào khoảng ngày 22/5/2023, Vũ Văn K1 hỏi mua của Cao Đức C 23 viên thuốc lắc, C đồng ý bán cho K1 với giá 190.000 đồng/01 viên thuốc lắc. Sau đó C mua của T5 23 viên thuốc lắc (C không nhớ cụ thể mua với giá bao nhiêu) đưa cho K1 và được K1 trả số tiền 4.370.000 đồng. C đã báo cho Bùi Tiến L1 biết việc C bán thuốc lắc cho K1 số lượng, giá tiền như trên. Sau đó K1 lại báo với C là khách của K1 chê chất lượng thuốc lắc kém nên K1 sẽ trả lại, C đồng ý. Đến tầm tối cùng ngày, khi K1 cầm số ma túy trên đến quán cầm đồ của L1 và C để trả lại nhưng chỉ có L1 đang ở quán. K1 đã đưa 23 viên thuốc lắc (để trong một vỏ bao thuốc lá) cho L1. Sau khi C về quán, L1 đưa lại số thuốc lắc lại cho C.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định được đối tượng T1 là Bùi Hữu T1, sinh năm 1986, ĐKTT: Số B H, TDP H, phường Đ, quận H, Hải Phòng, hiện chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q, Bộ C4 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. T1 sử dụng tài khoản 0031000326198 của ngân hàng V1 và sử dụng số điện thoại 0936817128, tài khoản zalo tên "Silence" để liên lạc trao đổi, giao dịch về ma túy với Cao Đức C.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Hữu T1 khai nhận đã mua 28 gam ma túy Ketamine của C vào ngày 26/5/2023 để bán lại cho người em xã hội tên K (chưa xác định được lai lịch) và trả cho C 20.000.000 đồng như lời khai của C. Tuy nhiên, do ma túy bị vụn nên K trả lại và T1 cũng trả lại cho C. T1 không thừa nhận cùng Vũ Văn K1 mua của C 100 gam ma túy Ketamine vào ngày 25/5/2023. T1 không quen biết, không giao dịch về ma túy với ai là Vũ Văn K1. Tuy nhiên, dữ liệu điện thoại của T1 và C thể hiện nhiều nội dung trao đổi liên quan đến 100 gam ma túy Ketamine phù hợp với lời khai của C.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định được đối tượng L1 là Bùi Tiến L1, sinh năm 1989, ĐKTT: Số I, Tổ B, phường T, quận H, Hải Phòng hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố H chờ chuyển đi nơi chấp hành án phạt tù về tội Trộm cắp tài sản. L1 sử dụng tài khoản số 0974921661 ngân hàng M và sử dụng số điện thoại 0974921661 tài khoản zalo tên "Bống" để liên lạc với Cao Đức C.

Quá trình điều tra Bùi Tiến L1 khai nhận: L1 kinh doanh cầm đồ xe máy với Cao Đức C, địa điểm mở kinh doanh tại nhà C. Quá trình làm cùng L1 biết C bán ma túy và cũng một số lần mua ma túy của C để sử dụng nhưng L1 không còn nhớ

rõ các lần mua ma túy của C và không tham gia gì việc mua bán ma túy của C. L1 không giới thiệu người nào đến mua thuốc lắc của C vào sáng ngày 25/5/2023. Lợi chỉ nhớ vào khoảng ngày 25/5/2023, C có kể với L1 việc khách của C chê ma túy nên trả lại nhưng người bán ma túy cho C không cho trả. Tuy nhiên L1 không biết, không chứng kiến cụ thể việc giao dịch Ketamine này của C như thế nào. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 25/5/2023, do C bảo đang cần tiền nên L1 chuyển khoản cho C mượn 10.000.000 đồng nhưng không biết cụ thể C sử dụng để làm gì. Sau đó C cũng đã trả số tiền này cho L1. Trước đó, ngày 22/5/2023, L1 được C thông báo có bán cho K1 23 viên thuốc lắc và K1 muốn trả lại nên C bảo L1 nhận hộ. L1 đã nhận của K1 01 hộp bao thuốc bên trong có chứa số thuốc lắc nêu trên tại quán cầm đồ của L1 và K1. Số ma túy này, L1 đã đưa lại cho C phù hợp với lời khai của C.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định được đối tượng K1 là Vũ Văn K1, sinh năm 1994, đăng ký thường trú: Số D B, TDP số E, phường C, quận H, Hải Phòng; đối tượng T5 là Phạm Văn T6, sinh năm 1986, đăng ký thường trú: Tổ A C, phường H, quận H, Hải Phòng; chỗ ở: Số C - L2 khu chung cư H, xã A, huyện A, Hải Phòng. Do K1, T6 đã trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với K1, T6 và tách hồ sơ liên quan để xử lý thành vụ án riêng.

Đối với xe mô tô BKS: 15B2- 88275, quá trình điều tra xác định đăng ký xe mang tên Phạm Thị Thu H1; địa chỉ: Đ, phường Đ, quận K, Hải Phòng. Xác minh tại Công an phường Đ cung cấp hiện chị H1 không sinh sống tại địa phương, không xác định được chị H1 ở đâu để tiến hành ghi lời khai làm rõ về chiếc xe trên. Cao Đức C khai chiếc xe trên mượn của bạn tên N2 ở K, Hải Phòng, không xác định được rõ nhân thân, lai lịch nên không xác minh làm rõ được. Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe mô tô trên cùng tài liệu liên quan đến xác minh điều tra, làm rõ sau theo Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 1591/QĐ-CSMT ngày 21/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H.

Tại Bản Cáo trạng số 225/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Cao Đức C về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Hữu T1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Tiến L1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm h khoản 3, 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Cao Đức C từ 19 đến 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Phạt bổ sung đối

với bị cáo C số tiền từ 15.000.000 đồng – 20.000.000 đồng;

- Căn cứ điểm e khoản 3, 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểmg, h khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Hữu T1 từ 16 đến 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Phạt bổ sung đối với bị cáo T1 số tiền từ 15.000.000 đồng – 20.000.000 đồng;

- Căn cứ khoản 1, 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Tiến L1 từ 03 đến 04 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Phạt bổ sung đối với bị cáo L1 số tiền từ 5.000.000 đồng – 7.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Bùi Hữu T1 và bị cáo Bùi Tiến L1 đối với bản án đang chấp hành trước đó.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo C: Hoàn toàn nhất trí với tội danh, điều luật như nội dung Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố. Bị cáo C có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khắn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm, không có thu nhập đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phạt bị cáo số tiền thấp nhất so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T1: Đại diện Viện Kiểm sát chỉ căn cứ vào nội dung tin nhắn trao đổi qua zalo giữa các bị cáo về việc bán, trả tiền và trao đổi đối với 44 gam ma túy để làm căn cứ buộc tội bị cáo T1 có hành vii mua 100 gam ma túy của C là không chính xác. Đề nghị đại diện Viện kiểm sát chỉ chốt lượng ma túy luận tội đối với hành vi mua bán trái phép của bị cáo T1 là 28 gam. Trường hợp đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với 28 gam ma túy mà T1 mua của C, xét xử bị cáo đối với khung hình phạt quy định tại điểm n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo C và L1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung truy tố tại Cáo trạng của Viện Kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Bùi Hữu T1 chỉ thừa nhận hành vi mua 28 gam ma túy Ketamine của C vào ngày 26/5/2023 để bán lại cho người em xã hội tên K và trả cho C 20.000.000 đồng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án do đã có lời khai trong hồ sơ, các bị cáo không có ý kiến gì về sự vắng mặt này nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về tội danh và khung hình phạt:*

[3] Cao Đức C có hành vi nhiều lần mua, bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 50,64 gam Methamphetamine; 3,21 gam MDMA; 128 gam Ketamine và 73 viên thuốc lắc (không xác định được khối lượng). Hành vi của C đủ yếu tố cấu thành đồng phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[4] Bùi Tiến L1 có hành vi đồng phạm với C về hành vi bán trái phép 23 viên thuốc lắc cho Vũ Văn K1 vào ngày 22/5/2023. Hành vi của L1 đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên do không xác định được khối lượng ma túy mua bán nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo Bùi Hữu T1, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo chỉ thừa nhận mua 28 gam ma túy Ketamine của C vào ngày 26/5/2023 để bán lại cho người em xã hội tên K và trả cho C 20.000.000 đồng; bị cáo không thừa nhận cùng Vũ Văn K1 mua của C 100 gam ma túy Ketamine vào ngày 25/5/2023, T1 không quen biết, không giao dịch về ma túy với ai là Vũ Văn K1. Tuy nhiên, dữ liệu điện thoại của T1, C và đối tượng có biệt danh là Tôm thể hiện nhiều nội dung trao đổi liên quan đến 100 gam ma túy Ketamine phù hợp với lời khai của C. Do đó, đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Hữu T1 đồng phạm với Vũ Văn K1 trong việc giao dịch, mua bán 100 gam Ketamine. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Lượng ma túy bị cáo T1 mua bán là 128 gam Ketamine, bị cáo phải chịu

tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[6] Việc Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn gây mất trị an ở địa phương và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Qúa trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo Cao Đức C và Bùi Hữu T1 đều có hành vi nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy, mỗi lần đều đủ cấu thành tội phạm. Bị cáo C có 02 tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng "*phạm tội 02 lần trở lên*" và "*tái phạm nguy hiểm*" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có 01 tiền án về tội nghiêm trọng chưa được xóa án tích nay lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng "*phạm tội 02 lần trở lên*" và "*tái phạm*" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Tiến L1 có 03 tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng "*tái phạm nguy hiểm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về quyết định hình phạt:

[10] Căn cứ nhân thân, vai trò cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[11] Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo nhằm tính chất thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[12] Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 hộp giấy có kích thước khoảng 15,5cm x 11,5cm x 7cm, bên trong có 02 tầng; 01 ống nhựa hình trụ tròn màu trắng sọc đỏ có 01 đầu vát nhọn; 02 ống nhựa hình trụ tròn màu trắng có 01 đầu vát nhọn; 20 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước khoảng

1,5cm x 2cm; 07 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước khoảng 3,5cm x 3cm; 01 cân điện tử màu đen; 01 cân điện tử in logo Manlloro; 30 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 1,5cm x 2cm; 01 hộp giấy có kích thước khoảng 13cm x 11cm x 4,5cm;30 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 2,5cm x 2,5cm; 40 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 1,5cm x 2cm; 10 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 3cm x 3cm; 20 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 6,5cm x 4cm; 01 ống nhựa màu đỏ hình trụ tròn, một đầu cắt vát thu giữ của C là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen, thu giữ của Cao Đức C, được bị cáo sử dụng liên lạc vào việc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[14] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh thu giữa của chị Nguyễn Thị Lan P. Qúa trình điều tra, xác định không liên quan đến hành vi mua bán ma túy của C nên cần trả lại cho chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[15] Đối với số tiền 1.020.000 đồng thu giữ Cao Đức C. Qua xác minh, số tiền này là tiền công lao động của C, sử dụng để chi tiêu sinh hoạt cá nhân, không liên quan việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tổng hợp hình phạt:

[16] Bị cáo Bùi Hữu T1 hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q – Bộ C4 về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm l khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt 06 năm 06 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/6/2023. Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự cần tổng hợp hình phạt đối với bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[17] Bị cáo Bùi Tiến L1 hiện đang chấp hành án tại Trại giam S1 – Bộ C4 về hành vi Trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt 30 (Ba mươi) tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải An. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/12/2023. Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự cần tổng hợp hình phạt đối với bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải An.

- Về án phí:

[18] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[19] Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố Cao Đức C phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt Cao Đức C 19 (Mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/6/2023.

Phạt bị cáo Cao Đức C số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố Bùi Hữu T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt Bùi Hữu T1 17 (Mười bảy) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 06 năm 06 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 23 (Hai mươi ba) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2023.

Phạt bị cáo Bùi Hữu T1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố Bùi Tiến L1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt Bùi Tiến L1 03 (Ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 30 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải An buộc bị cáo L1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2023.

Phạt bị cáo Bùi Tiến L1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

1. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ Số ma túy còn lại sau giám định (Một bì giấy có dấu niêm phong số 442MT/PC09 của Phòng K2 - Công an thành phố H trên phong bì niêm phong có chữ ký của Phạm Hoàng H2, Phạm Văn H3, Phạm Đắc H4, Cao Đức C; một bì giấy có dấu niêm phong số 437MT/PC09 của Phòng K2 - Công an thành phố H trên phong bì niêm phong có chữ ký của Phạm Hoàng H2, Phạm Văn V, Đào Lộc B1, Lê Thị X, Nguyễn Thị Lan P, Đỗ Thị H5);

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

+ 01 hộp giấy có kích thước khoảng 15,5cm x 11,5cm x 7cm, bên trong có 02 tầng;

+ 01 ống nhựa hình trụ tròn màu trắng sọc đỏ có 01 đầu vát nhọn;

+ 02 ống nhựa hình trụ tròn màu trắng có 01 đầu vát nhọn;

+ 20 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước khoảng 1,5cm x 2cm;

+ 07 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước khoảng 3,5cm x 3cm;

+ 01 cân điện tử màu đen;

+ 01 cân điện tử in logo Manlloro;

+ 30 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 1,5cm x 2cm;

+ 01 hộp giấy có kích thước khoảng 13cm x 11cm x 4,5cm;

+ 30 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 2,5cm x 2,5cm;

+ 40 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 1,5cm x 2cm;

+ 10 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 3cm x 3cm;

+ 20 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước 6,5cm x 4cm;

+ 01 ống nhựa màu đỏ hình trụ tròn, một đầu cắt vát.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen có số IMEI 1: 865553068847328; IMEI 2: 865553068847336;

- Trả lại bị cáo Cao Đức C số tiền 1.020.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) - Ủy nhiệm chi lập ngày 25/10/2024 tại Kho bạc Nhà nước H6.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Lan P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám có số IMEI: 35567807354638 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có số IMEI 1: 862173061151611; IMEI 2: 862173061151603

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

2. Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Cao Đức C, Bùi Hữu T1 và Bùi Tiến L1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PC10 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam CATP;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Trại giam Quảng Ninh – Bộ Công an;
- Trại giam số 3 – Bộ Công an;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Đỗ Xuân Quyết **Cao Thị Hạ**

Nguyễn Thị Luyến

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hà

THẨM PHÁN

Bùi Thị Thu Hằng